

94/2023 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG SÀI GÒN – VỮNG TÀU – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 183/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4ĐN001, VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 24 tháng 8 năm 2023)

Chèn	Độ sâu	9	10°45'08.88"N	106°46'42.74"E
		15 ₄	10°45'03.04"N	106°46'45.92"E
		9 ₆	10°44'59.75"N	106°46'43.21"E
		7 ₇	10°44'58.25"N	106°46'39.18"E
		8 ₇	10°44'54.48"N	106°46'37.27"E
Xoá	Độ sâu	9 ₉	10°44'58.30"N	106°46'44.08"E
		7 ₉	10°44'58.27"N	106°46'39.40"E
		9 ₈	10°45'07.95"N	106°46'41.42"E
		8 ₄	10°44'55.23"N	106°46'36.84"E
		9 ₅	10°45'09.25"N	106°46'44.19"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 24 tháng 8 năm 2023)

Chèn	Độ sâu	9	10°45'08.88"N	106°46'42.74"E
		7 ₇	10°44'58.25"N	106°46'39.18"E
Xoá	Độ sâu	7 ₉	10°44'58.27"N	106°46'39.40"E
		9 ₅	10°45'09.25"N	106°46'44.19"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

94/2023 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – SAI GON – VUNG TAU CHANNEL – Depths

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.183/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4ĐN001, VN4SG003 (Edition No. 2, updated on August 24th, 2023)

Insert	Depth	9	10°45'08.88"N	106°46'42.74"E
		15 ₄	10°45'03.04"N	106°46'45.92"E
		9 ₆	10°44'59.75"N	106°46'43.21"E
		7 ₇	10°44'58.25"N	106°46'39.18"E
		8 ₇	10°44'54.48"N	106°46'37.27"E

Delete	Depth	9 ₉	10°44'58.30"N	106°46'44.08"E
		7 ₉	10°44'58.27"N	106°46'39.40"E
		9 ₈	10°45'07.95"N	106°46'41.42"E
		8 ₄	10°44'55.23"N	106°46'36.84"E
		9 ₅	10°45'09.25"N	106°46'44.19"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on August 24th, 2023)

Insert	Depth	9	10°45'08.88"N	106°46'42.74"E
		7 ₇	10°44'58.25"N	106°46'39.18"E
Delete	Depth	7 ₉	10°44'58.27"N	106°46'39.40"E
		9 ₅	10°45'09.25"N	106°46'44.19"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
